

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HOÀNG ĐẠT PHÁT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HOÀNG ĐẠT PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0106756036

**3. Ngày thành lập:** 21/01/2015

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

C34 TT Công an Cầu Giấy- Đồng Xa, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                               | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết:<br>- Khách sạn (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường) | 5510     |
| 2.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết:<br>- Thiết kế website                                                       | 7410     |
| 3.  | Nuôi trồng thủy sản biển                                                                                                | 0321     |
| 4.  | Nuôi trồng thủy sản nội địa<br>Chi tiết:<br>- Nuôi trồng thủy sản nước lợ<br>- Nuôi trồng thủy sản nước ngọt            | 0322     |
| 5.  | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                            | 7920     |
| 6.  | Sản xuất thiết bị truyền thông<br>(trừ thiết bị thu phát sóng);                                                         | 2630     |
| 7.  | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết:<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị                        | 7730     |
| 8.  | Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn<br>(Trừ hệ thống an ninh)                                                              | 8020     |
| 9.  | Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng                                                                                   | 2824     |
| 10. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                      | 2640     |
| 11. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông<br>(Trừ thiết bị thu phát sóng)                                      | 4652     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 12. | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2750 |
| 13. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4690 |
| 14. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1410 |
| 15. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4641 |
| 16. | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1430 |
| 17. | Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2817 |
| 18. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7912 |
| 19. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4931 |
| 20. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4771 |
| 21. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4751 |
| 22. | In ấn<br>(Trừ các loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1811 |
| 23. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4311 |
| 24. | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh<br>Chi tiết:<br>- Trồng các loại rau lấy lá như: rau cải, bắp cải, rau muống, súp lơ, cây bông cải xanh, rau diếp, măng tây, rau cúc, rau cần ta, rau cần tây và các loại rau lấy lá khác;<br>- Trồng các loại rau lấy quả như: dưa hấu, dưa chuột, bí xanh, bí ngô, cà chua, cây cà, cây ớt, các loại dưa và rau có quả khác;<br><br>- Trồng các loại rau lấy củ, củ rễ, hoặc lấy thân như: su hào, cà rốt, khoai tây, cây củ cải, cây hành, cây tỏi ta, cây tỏi tây, cây mùi, cây hẹ và cây lấy rễ, củ hoặc thân khác;<br>- Trồng cây củ cải đường;<br>- Trồng các loại nấm hoặc thu nhặt nấm hương, nấm truffle. | 0118 |
| 25. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8299 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 26. | <p>Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất máy vi tính để bàn ;</li> <li>- Sản xuất máy vi tính xách tay ;</li> <li>- Sản xuất máy chủ ;</li> <li>- Sản xuất máy tính cầm tay (PDA) ;</li> <li>- Sản xuất ổ đĩa từ, đĩa flash và các thiết bị lưu khác ;</li> <li>- Sản xuất ổ đĩa quang học (ví dụ CD-RW, CD-ROM, DVD-ROM, DVD-RW) ;</li> <li>- Sản xuất máy in ;</li> <li>- Sản xuất màn hình ;</li> <li>- Sản xuất bàn phím ;</li> <li>- Sản xuất các loại chuột, que điều khiển và các thiết bị kiểm tra ;</li> <li>- Sản xuất các giao diện máy tính ;</li> <li>- Sản xuất máy quét, bao gồm máy quét mã thanh ;</li> <li>- Sản xuất máy đọc thẻ thông minh ;</li> <li>- Sản xuất mũ ảo ;</li> <li>- Sản xuất máy chiếu.</li> </ul> <p>Nhóm này cũng gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất các công máy tính như máy rút tiền tự động (ATM), máy bán hàng (POS), không hoạt động theo cơ khí ;</li> <li>- Sản xuất thiết bị văn phòng đa chức năng như máy liên hợp fax-copy-quét.</li> </ul> | 2620        |
| 27. | <p>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác</li> <li>- Bán buôn dụng cụ y tế</li> <li>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh</li> <li>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh</li> <li>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện</li> <li>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự</li> <li>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm</li> <li>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4649(Chính) |
| 28. | <p>Chuẩn bị mặt bằng</p> <p>(Không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4312        |
| 29. | <p>Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động</p> <p>(Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5610        |
| 30. | <p>Quảng cáo</p> <p>(Trừ quảng cáo thuốc lá)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7310        |
| 31. | Sản xuất sắt, thép, gang                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2410        |
| 32. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 9512        |
| 33. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3314        |

|     |                                                                                                                                                                        |                                                                     |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 34. | Giáo dục nghề nghiệp                                                                                                                                                   | 8532                                                                |
| 35. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết:<br>- Đại lý                                                                                                                     | 4610                                                                |
| 36. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);                                                        | 7020                                                                |
| 37. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn du học                                                                                                                | 8560                                                                |
| 38. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                  | 6201                                                                |
| 39. | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe                                                                                                   | 2930                                                                |
| 40. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                         | 4520                                                                |
| 41. | Sản xuất xe có động cơ                                                                                                                                                 | 2910                                                                |
| 42. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết:<br>- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn | 4290                                                                |
| 43. | (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)                           | <i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i> |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

**7. Vốn pháp định:** 0 VNĐ

**8. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên | HKTT/Địa chỉ trụ sở chính                                                                    | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ(%) | Số CMND/HC/MSDN/QĐ |
|-----|----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------|--------------------|
| 1   | TẠ MAI LAN     | C34 TT Công an Cầu Giấy- Đồng Xa, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 500.000.000           | 25,00    | 011997310          |
| 2   | ĐOÀN XUÂN ĐẠT  | C34 TT Công an Cầu Giấy, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam          | 500.000.000           | 25,00    | 012758088          |

**9. Người đại diện theo pháp luật của công ty:**

Họ và tên: ĐOÀN XUÂN ĐẠT

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 09/09/1958

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Giấy chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012758088

Ngày cấp: 24/07/2007

Nơi cấp: Công an TP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

C34 TT Công an Cầu Giấy, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

C34 TT Công an Cầu Giấy, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**10. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội